TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 51/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 18/8/2022
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ri

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Thy – Thư ký Tòa án.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh: Bà Nguyễn Như Mai Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 125/2022/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc *"ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lương Tùy L , sinh năm: 1961 - có mặt
Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm: 1980 - có mặt
Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã L T, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Lương Tùy L trình bày: Ông L và bà Trần Thị T tự nguyện chung sống với nhau năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L T, huyện Lộc Ninh. Hiện nay giấy kết hôn đã bị thất lạc. Trước khi chung sống có tìm hiểu thời gian khoảng 01 năm. Vợ chồng sống đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên ly thân từ đó đến nay. Nay ông L xin ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 con tên Lương Kim L1, sinh ngày 27/3/2000 và Lương Kim L2, sinh ngày 29/3/2004. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi, hiện tại bà T không mang thai với ông L.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Bà T và ông L không nợ ai và cũng không ai nợ lại

** Bị đơn bà Trần Thị T trình bày:* Thống nhất về quan hệ hôn nhân, thời gian phát sinh mâu thuẫn như ông L trình bày, bà T và ông L có đăng ký kết hôn tuy nhiên giấy kết hôn hiện nay đã bị thất lạc. Nay bà T cũng đồng ý ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 02 con tên Lương Kim L1, sinh ngày 27/3/2000 và Lương Kim L2, sinh ngày 29/3/2004. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi, hiện tại bà T không mang thai với ông L.

Về tài sản: Bà T và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Bà T và ông L không nợ ai và không ai nợ lại.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị không công nhận ông L và bà T là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con tên Lương Kim L1, sinh ngày 27/3/2000 và Lương Kim L2, sinh ngày 29/3/2004. Các con đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Ông L và bà T không nợ ai và cũng không ai nợ lại

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Lương Tùy L có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với bà Trần Thị T nên vụ án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Trần Thị T cư trú tại xã L T, huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà T tự nguyện chung sống với nhau từ năm1999, theo ông L và bà T có đăng ký kết hôn tại UBND xã L T, huyện Lộc Ninh.

Hiện nay giấy kết hôn đã bị thất lạc, ông L bà T không cung cấp được. Quá trình sống chung giữa ông L và bà T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021. Nguyên nhân tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên ly thân từ đó đến nay. Nay ông L yêu cầu được ly hôn với bà T. Bà T cũng đồng ý ly hôn. Tại công văn số 15/UBND ngày 09/5/2022 của UBND xã L T, huyện Lộc Ninh về việc trả lời yêu cầu trích lục kết hôn của ông L nội dung: Sổ bộ lưu trữ tại UBND xã L T năm 1999 không có tên của ông L và bà T nên không trích lục được. Do đó không có căn cứ xác định ông L và bà T có đăng ký kết hôn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; Nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".* Vì vậy Hội đồng xét xử không công nhận ông L và bà T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Có 02 con tên Lương Kim L1, sinh ngày 27/3/2000 và Lương Kim L2, sinh ngày 29/3/2004. Các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông L và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy ông L phải chịu số tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lương Tùy L .

1. Không công nhận ông Lương Tùy L và bà Trần Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con tên Lương Kim L1, sinh ngày 27/3/2000 và Lương Kim L2, sinh ngày 29/3/2004 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Ông L và bà T không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Ông L chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí Hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009867 ngày 02 tháng 6 năm 2022.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kiều Chinh

Nơi nhận :
- *TAND tỉnh Bình Phước*
- *VKS huyện Lộc Ninh*
- *Các đương sự.*
- *UBND xã L T*
- *THA DS huyện Lộc Ninh*
- *Lưu hồ sơ*